CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Everland

Ngày 30/06/2025	6,130 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.1%	**-3.8%**	**-3.5%**

DT thuần
Q2/25
195
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.00| 1.8%
YoY: ▼291| -59.8%

LN thuần
Q2/25
15.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.40| 2.4%
YoY: ▼17.9| -53.9%

LN sau thuế
Q2/25
10.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.90| -7.6%
YoY: ▼11.1| -51.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
8.1%
YoY: +/-▼ 0.5%

ROE (TTM)
Q2/25
1.3%
YoY: +/-▼ 0.4%

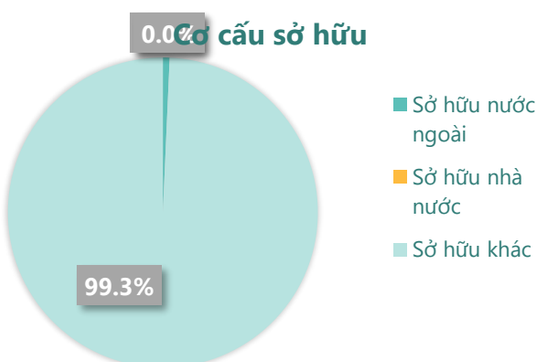
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,860 - 7,710
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,319
Số lượng CPLH (CP)	215,249,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,325,770
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	1.13
EPS	160
P/E	38.3

DT thuần
6T 2025
387
tỷ VNĐ
YoY: ▼243| -38.5%

LN thuần
6T 2025
30.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.5| -25.7%

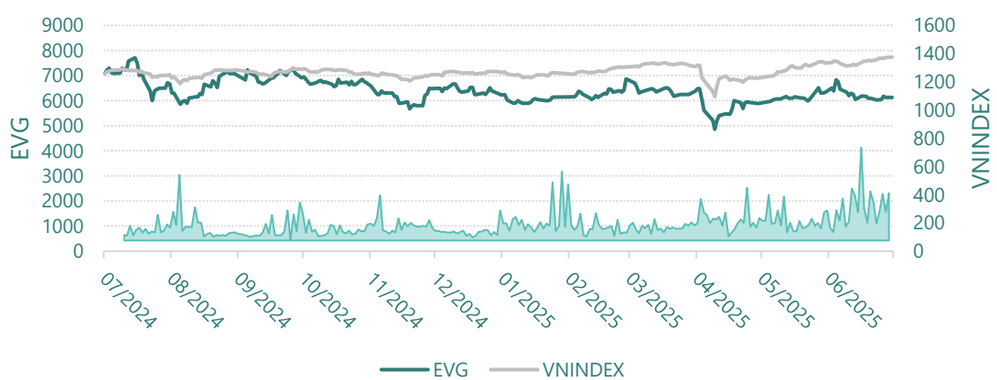
LN sau thuế
6T 2025
22.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.10| -21.7%

Cơ cấu sở hữu

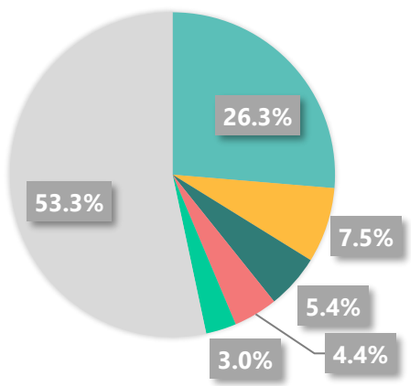


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



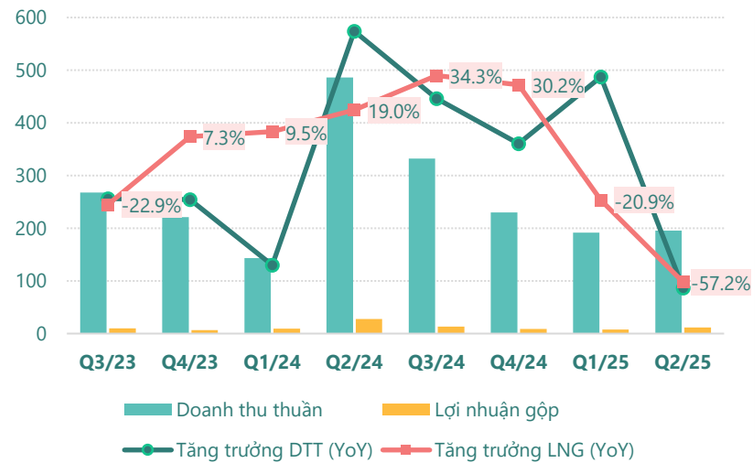
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

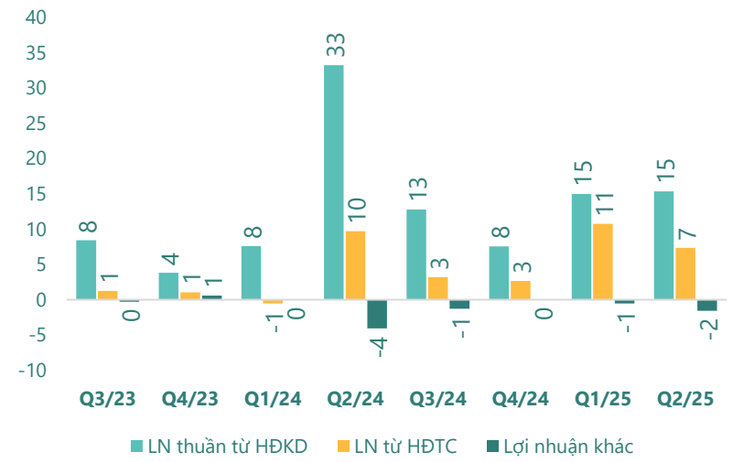
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



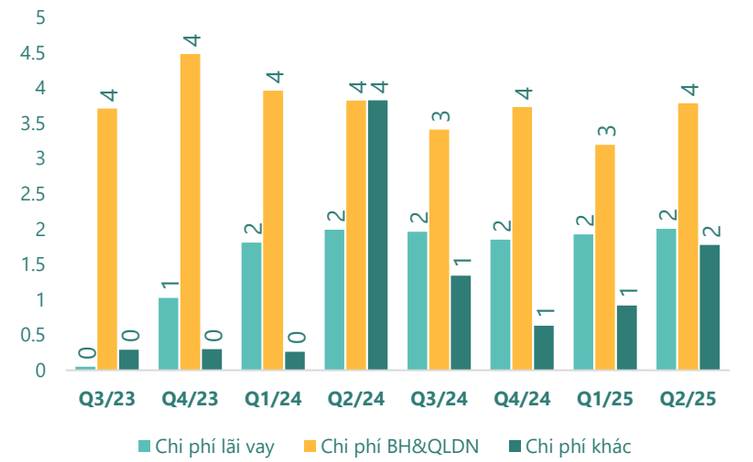
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



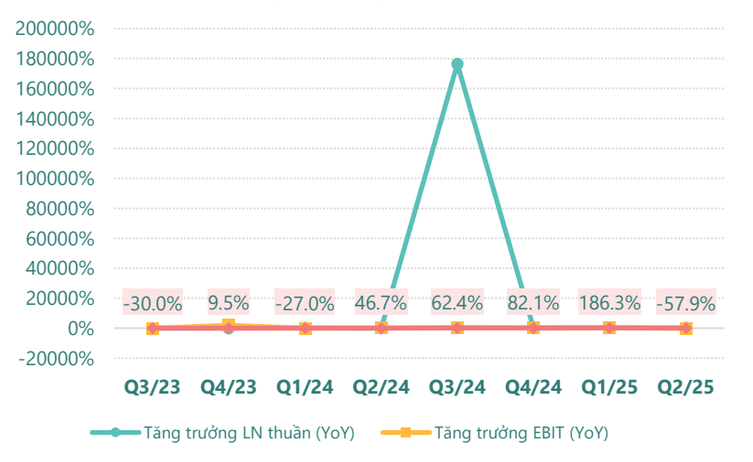
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



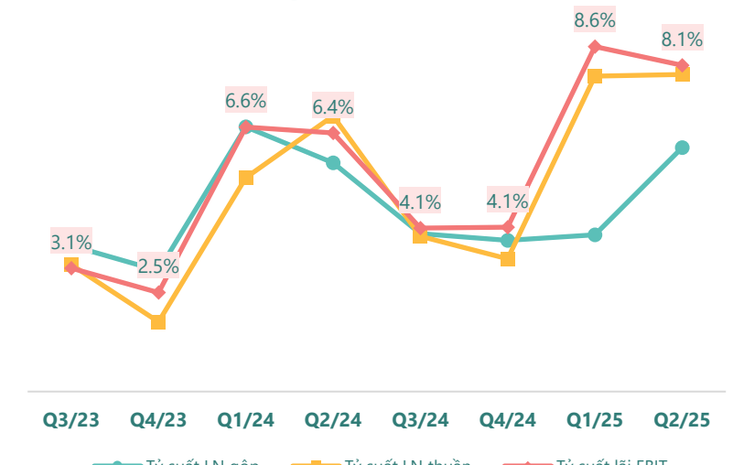
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

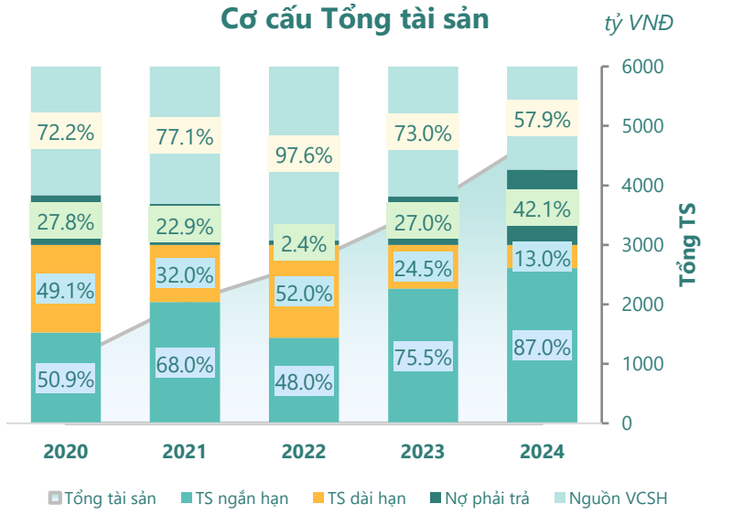
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

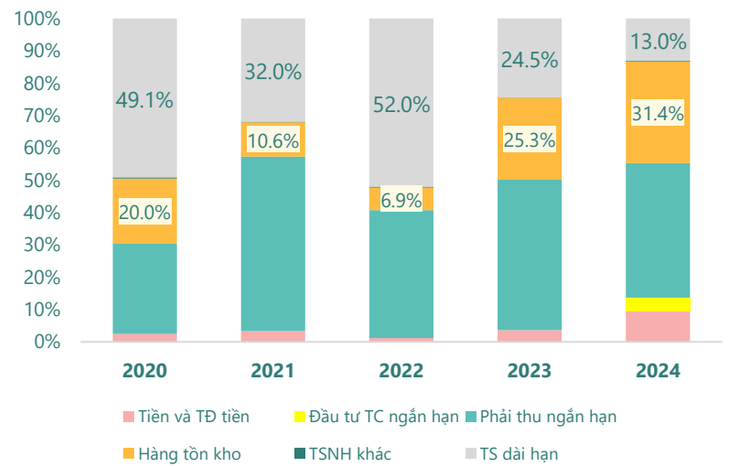
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



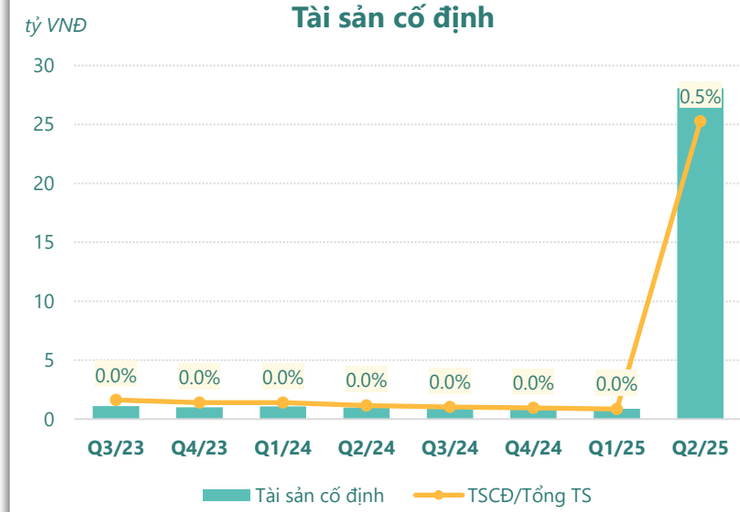
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



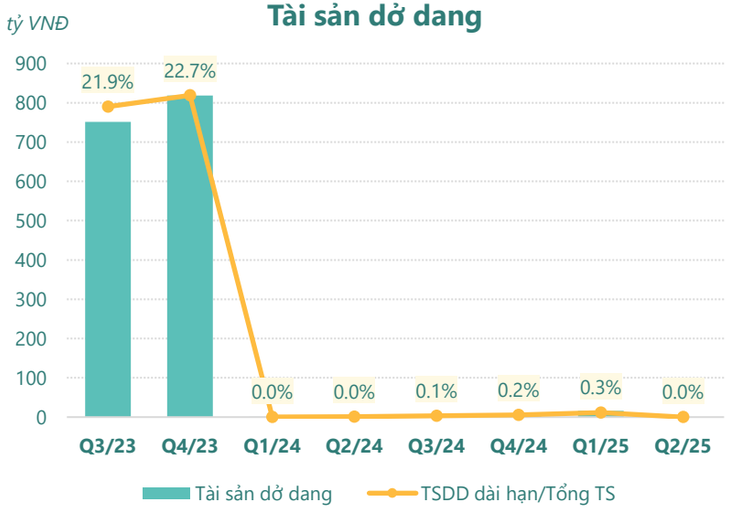
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



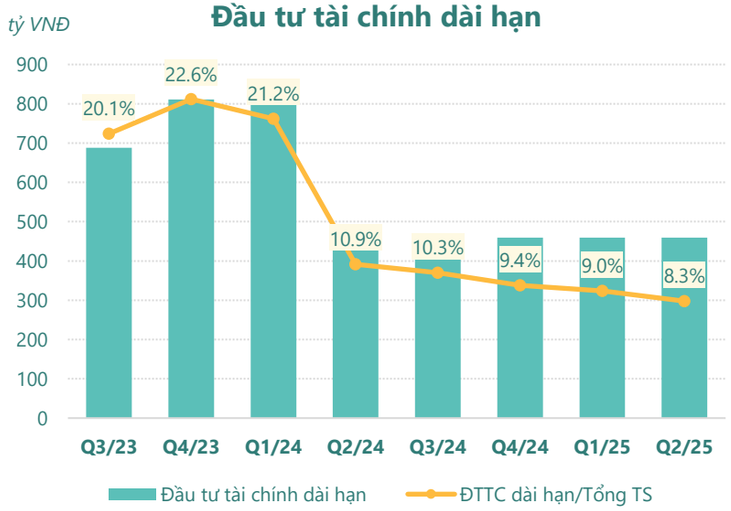
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



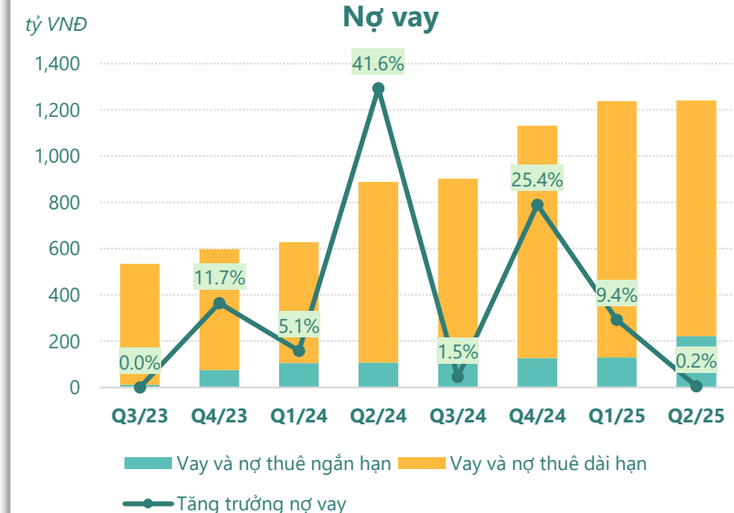
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

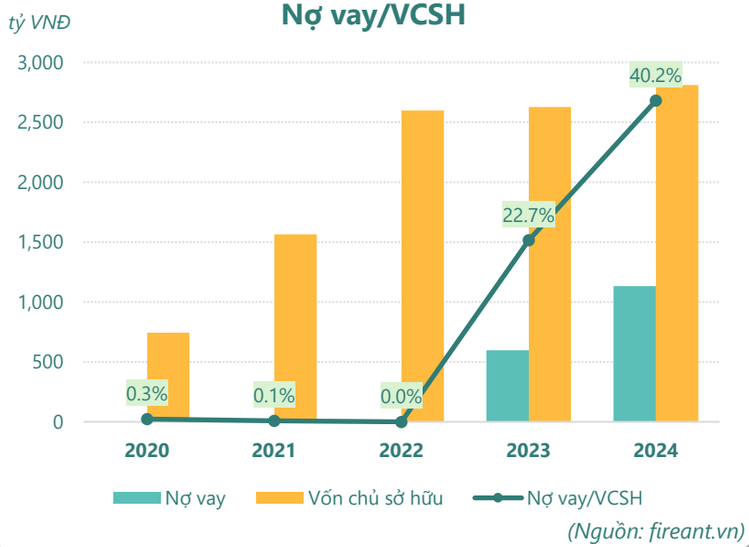
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

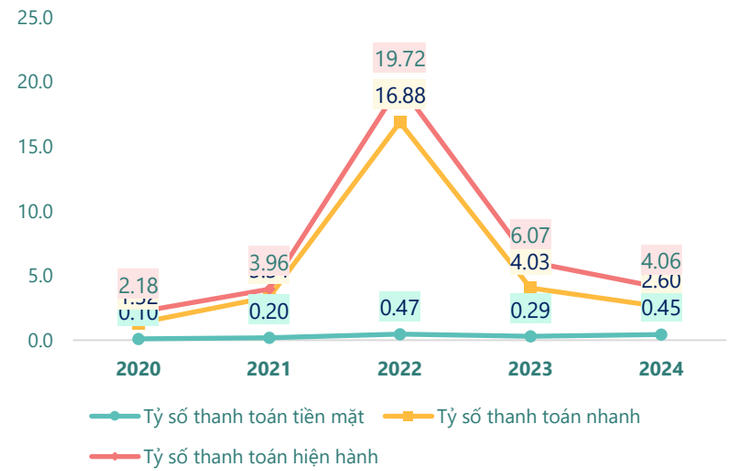
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



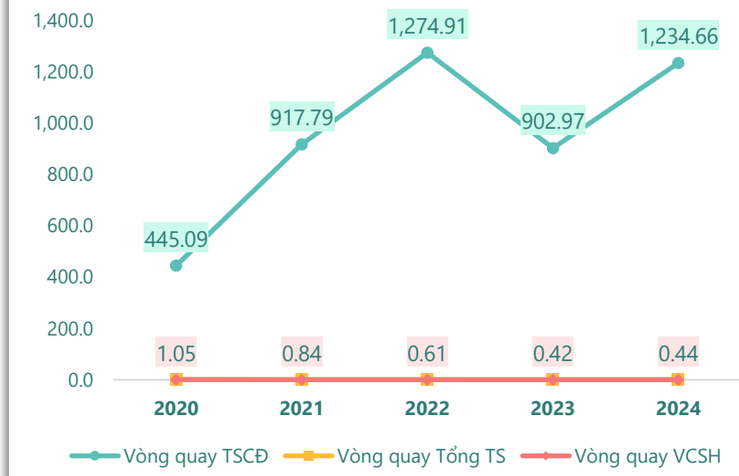
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



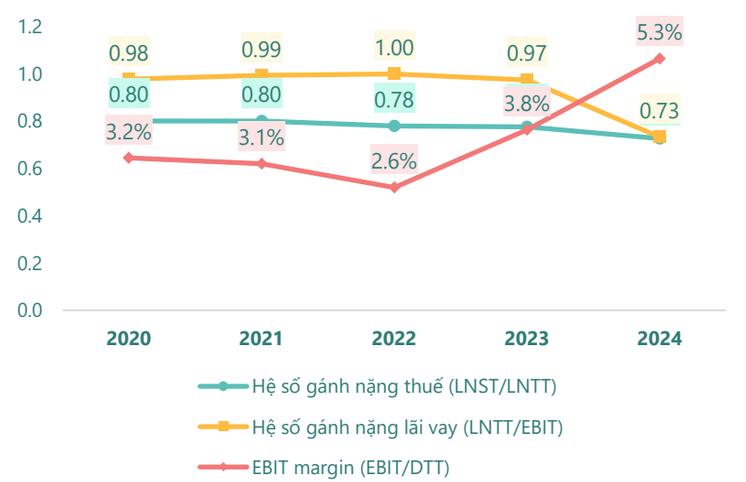
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



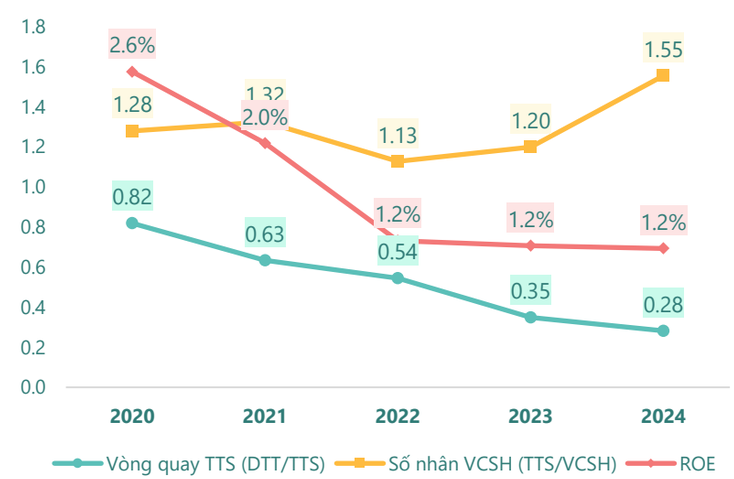
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



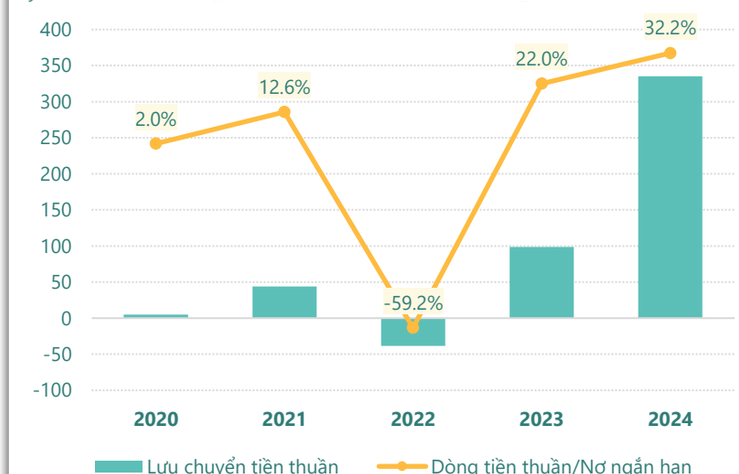
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**195**	**486**	**-59.8%**	**387**	**630**	**-38.5%**
Giá vốn hàng bán	184	459	-60.0%	368	593	-37.9%
Lợi nhuận gộp	11.8	27.6	-57.2%	19.3	37.0	-47.9%
Doanh thu HĐTC	9.34	11.7	-20.2%	22.0	13.0	69.0%
Chi phí TC	2.00	2.00	0.2%	3.93	3.81	3.1%
Chi phí lãi vay	2.00	1.99	0.7%	3.93	3.80	3.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-0.25**	**100%**	**0**	**2.43**	**-100%**
Chi phí bán hàng	0.50	1.09	-54.4%	1.17	2.21	-47.1%
Chi phí QLDN	**3.29**	**2.73**	**20.4%**	**5.81**	**5.58**	**4.2%**
LN thuần từ HĐKD	15.4	33.3	-53.9%	30.4	40.9	-25.7%
Lợi nhuận khác	**-1.56**	**-4.06**	**61.6%**	**-2.08**	**-4.07**	**48.9%**
LN trước thuế	13.8	29.2	-52.7%	28.3	36.8	-23.1%
Lợi nhuận sau thuế	**10.6**	**21.7**	**-51.0%**	**22.1**	**28.2**	**-21.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.85**	**20.7**	**-52.4%**	**20.7**	**27.0**	**-23.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	164	-598	-93.9	-134	123	-35.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-216	657	-167	14.8	-158	60.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.4	261	195	229	107	2.18
Tiền đầu kỳ	137	116	428	362	464	536
Lưu chuyển tiền thuần	**-21.6**	**320**	**-65.9**	**110**	**72.2**	**27.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	116	428	362	471	536	563

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,556**	**4,859**	**14.3%**
Tài sản ngắn hạn	4,881	4,228	15.5%
Tiền và tương đương tiền	563	464	21.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	225	201	11.9%
Phải thu ngắn hạn	2,007	2,021	-0.7%
Hàng tồn kho	2,049	1,525	34.4%
Tài sản ngắn hạn khác	36.6	16.5	122%
Tài sản dài hạn	**674**	**631**	**6.9%**
Phải thu dài hạn	1.66	66.0	-97.5%
Tài sản cố định	28.1	0.93	2905%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	7.90	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	460	460	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**185**	**96.4**	**92.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,722	2,046	33.1%
Nợ ngắn hạn	**1,703**	**1,041**	**63.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	221	127	74.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	411	221	85.9%
Nợ dài hạn	1,019	1,005	1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,019	1,005	1.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,833**	**2,813**	**0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**2,833**	**2,813**	**0.7%**
Vốn điều lệ	2,152	2,152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)